

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy;

Bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Kim Bào, xã D, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người làm chứng vắng mặt không có lý do).n

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã D, Kinh Môn, Hải Dương vào tháng 10/2013. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng gần 02 năm thì sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghiện rượu, suốt ngày say xỉn, không lo toan, quan tâm gì đến cuộc sống gia đình cũng như vợ con; anh H uống rượu say rồi về chửi bới,

đánh đập chị. Chị đã nhiều lần cùng gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Do không chịu đựng nổi nên từ tháng 9 năm 2017 chị và con đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ tại T, Kim Thành, Hải Dương sinh sống; thời gian này anh H có về T, Kim Thành sinh sống cùng chị được 03 tháng nhưng do vợ chồng lại xảy ra cãi nhau nên anh H lại bỏ về Kinh Môn sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho tới nay, không còn quan hệ vợ chồng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 18/9/2015, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu ở cùng với chị. Khi vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của bị đơn:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn H xác định sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc; nhưng sau đó thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra xích mích nhau. Từ tháng 9 năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, nguyên nhân do anh uống rượu, ngoài ra không còn lý do nào khác. Khi chị O về gia đình bố mẹ đẻ ở xã T, Kim Thành thì anh có về ở cùng được 3 tháng, sau đó vợ chồng lại cãi nhau nên anh về gia đình tại Kim Bào, D sinh sống. Quan điểm của anh vẫn muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu ở cùng với chị O tại gia đình bố mẹ đẻ ở xã T, Kim Thành, Hải Dương. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và anh tự nguyện không yêu cầu chị O phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã D, Kinh Môn*: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị O đăng ký kết hôn tại UBND xã D trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại xã D, Kinh Môn. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh H có biểu hiện nghiện rượu và nghiện ma túy nên gia đình đã cho anh H đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Chí Linh từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2018. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017.

- *Bà Ngô Thị L (mẹ đẻ anh H) khai*: Do anh H có uống rượu say, nghi ngờ có sử dụng ma túy nên gia đình cho đi cai nghiện một thời gian. Trong cuộc sống, giữa anh

H và chị O đôi khi có xảy ra cãi vã, xúc phạm; gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe. Bạn bè anh H thì thoảng lơi kéo đi rượu chè nên chị O chán nản bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017.

- Bà Nguyễn Thị Y (mẹ đẻ chị O) khai: Mâu thuẫn giữa chị O và anh H có nguyên nhân do anh H nghiện rượu, thường xuyên say xỉn, không quan tâm gì đến vợ con. Trước đó chị O đã nhiều lần bế con về gia đình bà ở, được khuyên bảo nên chị O lại quay về chung sống cùng anh H. Năm 2017 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị O tiếp tục bỏ về gia đình bà ở, thời gian này anh H có sang ở cùng một thời gian và cùng vợ làm ăn; nhưng sau đó thường xuyên uống rượu say và do bạn bè kích động nên tháng 9/2017 anh H đã bỏ về Kinh Môn. Đầu năm 2018, do nghi ngờ anh H sử dụng ma túy nên gia đình đã cho đi cai nghiện, cuối năm 2018 về địa phương nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn H và giải quyết về nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn chưa chấp hành và chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị O được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thùy D, sinh ngày 18/9/2015 từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống

tại xã D, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 02/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị O và anh Trần Văn H đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tháng 10/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị O, anh H phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã triệu tập để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không có lý do; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện việc không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh H cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau mặc dù đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay chị O xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 18/9/2015; chị Hoàng Thị O và anh Trần Văn H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu này thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Trần Thùy Đang được chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị O có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện trong về chỗ ở và giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xác

minh tại địa phương và lời khai của gia đình thì anh H thường xuyên uống rượu say xỉn, hiện không có công việc và thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu Trần Thùy D còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Từ những căn cứ trên, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập của con chung, cần giao con chung là cháu Trần Thùy D cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị O về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị O*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị O được ly hôn với anh Trần Văn H.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Hoàng Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 18/9/2015; thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị O về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Hoàng Thị O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002029 ngày 21/2/2019. Chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND xã D, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa